TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2023
V/v ly hôn giữa chị H và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội Đ2 xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Bà Trần Thị Hải Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng - Thư ký tòa án nhân dân huyện N.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 130/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ, sinh năm 1987 (vắng mặt)

ĐKHKTT: Thôn C, xã B, huyện N, tỉnh Nam Định

Hiện đang chấp hành án tại: Đội 33, phân trại 1, Trại giam số 3, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 7 năm 2023, bản tự khai ngày 08/8/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Hữu Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 20/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất Đ2 quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, đã sống ly thân nhiều lần sau đó nghĩ đến các con nên chị quay về chung sống với anh Đ, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Sau đó anh Đ có hành vi vi phạm pháp luật hiện đang chấp hành án tại trại giam số 3, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Nay chị nhận thấy không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng không thể

tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

Về nuôi con chung: Chị và anh Đ có 04 con chung là Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 17/02/2014; Nguyễn Trí Đ1, sinh ngày 31/12/2016; Nguyễn Minh Đ2 và cháu Nguyễn Minh Đ3 đều sinh ngày 25/5/2021. Hiện các con đang ở với chị và bố mẹ anh Đ. Khi giải quyết ly hôn nếu anh Đặng Đ2 giao cả 04 con cho chị nuôi, thì chị yêu cầu anh Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh Đ có nguyện vọng nuôi 02 con lớn, chị nhất trí giao cháu Đ và cháu Đ1 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị tiếp tục nuôi 02 con nhỏ. Giữa chị và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị và anh Đ không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bản tự khai ngày 08/8/2023 bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Anh và chị H có Đ ký kết hôn tại xã B, huyện N vào ngày 20/9/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì, chưa từng sống ly thân. Đến ngày 14/12/2020 anh vi phạm pháp luật bị bắt và hiện anh đang chấp hành án tại trại giam số 3, xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Anh không Đ2 ý ly hôn với chị H vì đến ngày 14/12/2023 anh chấp hành án xong trở về gia đình, lúc đó anh và chị H tự giải quyết mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dậy con chung.

Về nuôi con chung: Anh và chị H có 04 con chung tên, ngày tháng năm sinh của các con đúng như chị H trình bày. Hiện các con đang ở với chị H và bố mẹ anh. Anh không Đ2 ý ly hôn nên anh không xác định ai nuôi và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Nhưng nếu chị H vẫn quyết tâm xin ly hôn anh đề nghị Tòa án giao mỗi người nuôi 02 con, anh nhận nuôi 02 con lớn là Nguyễn Trí Đ và Nguyễn Trí Đ1.

Về tài sản: Anh và chị H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội Đ2 xét xử đã tuân thủ đúng pháp luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng: Chị H và anh Đ đã thực hiện đúng theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội Đ2 xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ

- Về con chung: Áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Đ2 và cháu Nguyễn Minh Đ3 đều sinh ngày 25/5/2021 cho chị H nuôi dưỡng đến khi các con trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Giao cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Nguyễn Trí Đ1, sinh ngày 31/12/2016 cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi các con

trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Anh Đ và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tiếp tục nuôi các con đến khi anh Đ chấp hành xong hình phạt tù chị sẽ giao cháu Đ và cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng.

- Về án phí DSST: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án: Buộc chị Trần Thị H phải nộp 300.000 Đ2 tiền án phí ly hôn.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội Đ2 xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa, nhưng anh chị đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện Đ ký kết hôn tại UBND xã B, huyện N, tỉnh Nam Định vào ngày 20/9/2013, nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống chị H trình bày không hạnh phúc thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất Đ2 quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Anh Nguyễn Hữu Đ không nhất trí ly hôn chị H vì trong cuộc sống giữa anh và chị H không có mâu thuẫn gì, năm 2020 anh bị bắt và đang chấp hành án tù do có hành vi, vi phạm pháp luật, đến tháng 12/2023 anh ra trại, anh mong muốn vợ chồng hòa giải đoàn tụ cùng nuôi dây con chung, nhưng chị H không Đ2 ý và đề nghị Tòa án giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị H và anh Đ không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, nếu có duy trì mục đích hôn nhân cũng không Đ3 được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ của chị Trần Thị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2] Về nuôi con chung: Chị H và anh Đ có 04 con chung là Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 17/02/2014; Nguyễn Trí Đ1, sinh ngày 31/12/2016; Nguyễn Minh Đ2 và Nguyễn Minh Đ3 đều sinh ngày 25/5/2021. Hiện các con đang ở với chị H tại nhà bố mẹ anh Đ.

Khi giải quyết ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, nguyện vọng đương sự và các con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội Đ2 xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ có nguyện vọng được nuôi 02 con lớn, Chị

H nhất trí giao anh Đ nuôi cháu Nguyễn Trí Đ và cháu Nguyễn Trí Đ1 (Cháu Đ và cháu Đ1 đều có ý kiến khi bố mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố). Chị tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con nhỏ là cháu Nguyễn Minh Đ2 và cháu Nguyễn Minh Đ3 cho đến khi các con trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Chị và anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Như vậy, ý kiến và đề nghị của các đương sự về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung không trái đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tiếp tục nuôi các con đến khi anh Đ chấp hành xong hình phạt tù chị sẽ giao cháu Đ và cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng; các đương sự có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Chị H và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy Tòa án không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 Đ2 án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Nguyễn Hữu Đ

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Đ2 và cháu Nguyễn Minh Đ3 đều sinh ngày 25/5/2021 cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Trí Đ, sinh ngày 17/02/2014 và cháu Nguyễn Trí Đ1, sinh ngày 31/12/2016 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được. Anh Đ và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị H tiếp tục nuôi các con đến khi anh Đ chấp hành xong hình phạt tù chị sẽ giao cháu Đ và cháu Đ1 cho anh Đ nuôi dưỡng

Chị H và anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 Đ2 án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 Đ2 chị H đã nộp theo biên lai số 0000569, ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống Đ3 hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI Đ2 XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã B;
- Lưu HS.

Nguyễn Thị Ánh